

Bản tin Phân tích kỹ thuật

02/10/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111GA000 thu hẹp một phần đà giảm sau khi tiếp cận khu vực 1.875 điểm. Tuy nhiên, để tiếp tục tăng giá về các vùng cao hơn, hợp đồng cần vượt ngưỡng kháng cự 1.888 điểm. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế mua khi thỏa điều kiện trên, với mục tiêu 1.897 điểm và dừng lỗ nếu hợp đồng vi phạm ngưỡng 1.885 điểm.

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 1.888 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.897 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.885 điểm

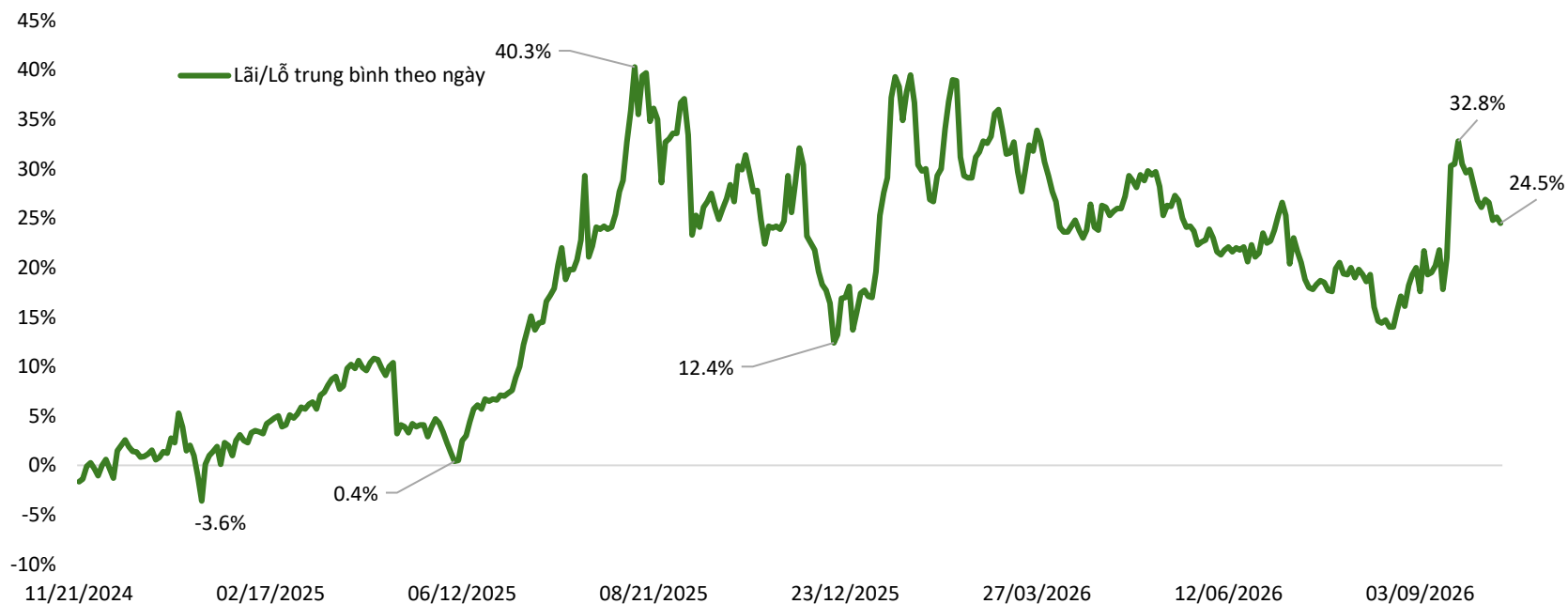
Quan điểm kỹ thuật



- VN-Index giảm trên nền thanh khoản cao với độ rộng thị trường tiêu cực, cho thấy áp lực bán gia tăng so với các phiên điều chỉnh trước. Lực bán nổi bật tại nhóm Công nghiệp, Dầu khí, Dịch vụ Tiện ích và Chứng khoán. Ngân hàng và Bất động sản cũng chịu tác động nhưng mức độ lan tỏa chưa cao. Ở chiều ngược lại, Thực phẩm là nhóm ghi nhận lực cầu nổi bật, trong khi các nhóm còn lại chưa xuất hiện hoạt động mua đáng kể quanh vùng giá thấp.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index vẫn chịu sự chi phối của đà giảm và có khuynh hướng tiếp cận vùng đáy tháng 8 quanh 1.720 điểm. Trong phiên 05/10, vùng 1.760 điểm sẽ đóng vai trò kháng cự và có thể cản trở các nhịp hồi trong ngày.
- Đánh giá khả năng xuất hiện giai đoạn hồi phục, phiên 02/10 cho thấy áp lực bán bắt đầu lan rộng và gia tăng, trong khi lực mua tại vùng giá thấp còn mờ nhạt. Tuy nhiên, khu vực 1.720 điểm là vùng đáy tháng 8 và cũng là hỗ trợ quan trọng, do đó nhiều khả năng lực cầu sẽ cải thiện rõ hơn khi chỉ số tiếp cận khu vực này, qua đó tạo điều kiện hình thành giai đoạn hồi phục.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
SSI	24/08/2026		Đang mở	19,700	21,100	-6.6%	19,300	23,000		
DGW	15/09/2026		Đang mở	45,600	45,400	0.4%	42,800	56,000		
PVS	18/09/2026		Đang mở	33,500	33,000	1.5%	30,800	39,500	33,000	



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	224,000	1.82%	-3.45%	1,738,730	7.611	2,752	10.2	81.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	78,800	-3.90%	-2.11%	190,140	-1.786	5,269	2.8	15.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
TCB	32,250	-2.27%	-3.01%	228,531	-1.250	3,829	1.3	8.4	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tích cực
LPB	40,200	-4.29%	-13.46%	120,089	-1.239	3,780	2.8	10.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	34,800	-1.83%	-2.66%	270,682	-1.195	4,250	1.4	8.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	19,100	-2.30%	-4.02%	192,313	-1.066	3,239	1.2	5.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSR	30,450	-2.87%	0.16%	152,472	-1.054	3,974	2.1	7.7	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	57,100	-0.87%	-1.55%	477,109	-0.997	4,984	1.9	11.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHM	67,900	-0.73%	-1.74%	557,787	-0.982	9,730	2.1	7.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VPB	22,900	-1.72%	-0.43%	229,000	-0.946	2,982	1.3	7.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	68,400	-2.70%	-10.59%	128,949	-0.839	1,634	2.1	41.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VNM	57,300	-2.22%	-4.18%	119,754	-0.640	5,246	3.8	10.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	17,050	-3.94%	-12.34%	59,143	-0.561	870	1.4	19.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTG	29,750	-1.00%	-1.33%	231,067	-0.555	5,172	1.2	5.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDB	28,450	1.61%	2.34%	142,400	0.551	3,897	1.7	7.3	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NVB	15,000	9.49%	11.94%	43,869	36.096	135	1.8	110.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
THD	109,000	-7.63%	-12.38%	41,965	-27.754	395	8.3	275.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	110,100	2.04%	3.67%	33,030	5.840	11,734	5.0	9.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	33,500	-1.47%	6.01%	20,559	-2.622	3,432	1.3	9.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBS	15,300	-1.92%	-5.56%	15,314	-2.554	1,828	1.3	8.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIF	14,000	-5.41%	-4.76%	4,900	-2.297	1,407	1.0	10.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	13,000	-2.26%	-5.11%	11,693	-2.287	1,119	0.9	11.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PGS	79,900	6.53%	7.97%	3,995	2.263	2,718	4.0	29.4	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
HUT	12,300	-1.60%	-3.15%	13,140	-1.823	525	1.2	23.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	75,900	0.26%	-1.68%	68,294	1.565	16,970	3.2	4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MSR	60,300	2.90%	12.71%	67,477	0.522	2,208	4.7	27.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCR	58,000	-6.45%	5.45%	12,243	-0.210	-648	8.5	-90.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SJG	19,000	-8.65%	-7.77%	8,706	-0.201	4,100	1.1	4.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VGI	80,400	-0.25%	-2.78%	244,646	-0.162	4,047	6.5	19.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	64,400	-0.77%	7.15%	77,978	-0.160	2,341	5.1	27.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
CC1	33,000	-3.51%	-13.16%	16,821	-0.157	549	3.1	61.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
QNS	53,100	2.51%	6.63%	19,299	0.129	5,267	1.8	10.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TID	21,700	11.28%	20.56%	4,160	0.125	1,117	1.3	18.6	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DNH	51,000	2.00%	13.33%	21,542	0.115	2,839	3.9	18.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
VGR	143,100	-3.05%	6.00%	11,773	-0.096	6,227	10.3	23.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

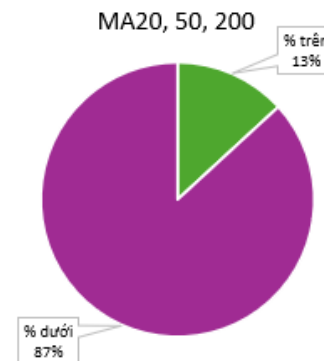
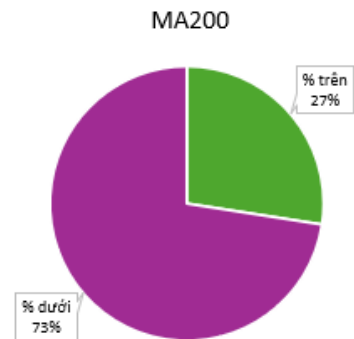
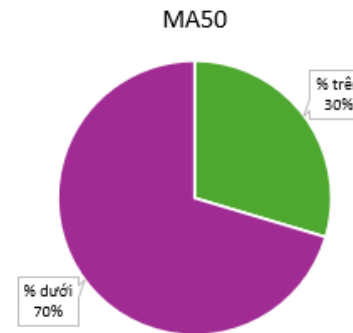
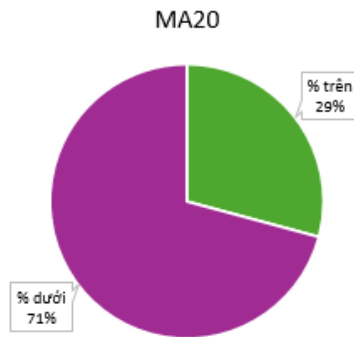
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
MSR	60,300	2.9%	197.0	105.4	21,053	58,600	4.7	27.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
QNS	53,100	2.5%	35.2	14.6	40,200	51,800	1.8	10.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
PVP	22,000	1.9%	31.3	21.5	13,042	21,900	1.1	7.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
HHP	17,900	2.3%	20.8	17.6	8,921	17,800	1.7	33.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
DRI	16,200	4.5%	31.8	15.7	9,788	16,000	1.5	5.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
PHÁ ĐÁY 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
TCX	27,900	-2.1%	69.6	79.8	28,500	43,644	2.0	15.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
SHB	11,150	-1.8%	342.5	488.5	11,200	17,938	0.7	4.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
LPS	17,700	-6.8%	41.5	28.9	18,650	31,800	1.4	21.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
KBC	25,200	-0.8%	48.4	33.7	25,400	38,000	1.0	20.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
VND	13,300	-2.9%	161.1	153.3	13,700	23,180	0.9	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
KDH	15,100	-0.3%	47.8	78.7	15,150	35,850	0.9	9.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
MBS	15,300	-1.9%	28.9	51.9	15,500	27,024	1.3	8.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
HUT	12,300	-1.6%	24.4	18.8	12,500	18,400	1.2	23.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
PNJ	23,050	-6.9%	1772.9	239.1	24,750	84,671	0.9	4.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
BVB	10,400	-1.0%	8.0	10.3	10,500	14,803	0.9	8.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
VCG	13,300	-2.6%	24.4	29.5	13,650	25,100	0.8	2.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
CII	11,750	-4.1%	102.3	111.9	12,150	30,350	0.8	69.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
FTS	18,500	-2.1%	12.0	14.5	18,900	33,089	1.6	16.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
BSI	24,650	-3.7%	6.5	8.1	25,600	43,182	1.2	12.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
CEO	10,500	-2.8%	52.9	72.0	10,800	30,382	1.0	32.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
HDG	15,050	-1.3%	10.6	17.0	15,250	31,871	0.9	6.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
HHV	8,830	-1.3%	21.2	22.9	8,950	15,576	0.4	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
NKG	9,200	-2.6%	16.9	15.5	9,450	16,637	0.6	27.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
IJC	6,560	-1.5%	5.3	8.4	6,570	13,456	0.5	5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
HHS	9,100	-0.9%	13.5	11.2	9,180	19,700	0.4	178.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PNJ	23,050	-6.9%	1772.9	239.1	24,750	84,671	0.9	4.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ANV	17,000	6.9%	47.8	8.1	15,300	32,286	1.2	5.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
TNG	16,600	1.2%	15.6	5.4	15,677	24,715	1.1	4.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			02/10/2026	01/10/2026	30/09/2026	29/09/2026	28/09/2026	25/09/2026	24/09/2026	23/09/2026
VNINDEX	MA200	Trên	22%	23%	24%	24%	24%	24%	24%	26%
		Dưới	78%	77%	76%	76%	76%	76%	76%	74%
	MA50	Trên	27%	31%	33%	34%	33%	34%	31%	38%
		Dưới	73%	69%	67%	66%	67%	66%	69%	62%
	MA20	Trên	27%	30%	30%	28%	29%	31%	27%	32%
		Dưới	73%	70%	70%	72%	71%	69%	73%	68%
VN30	MA200	Trên	23%	27%	30%	33%	30%	33%	37%	43%
		Dưới	77%	73%	70%	67%	70%	67%	63%	57%
	MA50	Trên	37%	37%	47%	47%	47%	57%	57%	73%
		Dưới	63%	63%	53%	53%	53%	43%	43%	27%
	MA20	Trên	23%	27%	27%	23%	30%	33%	33%	43%
		Dưới	77%	73%	73%	77%	70%	67%	67%	57%
HNX	MA200	Trên	26%	25%	28%	27%	26%	26%	28%	29%
		Dưới	74%	75%	72%	73%	74%	74%	72%	71%
	MA50	Trên	32%	33%	31%	30%	31%	31%	32%	35%
		Dưới	68%	67%	69%	70%	69%	69%	68%	65%
	MA20	Trên	26%	25%	28%	27%	26%	26%	28%	29%
		Dưới	74%	75%	72%	73%	74%	74%	72%	71%
UPCOM	MA200	Trên	29%	28%	29%	27%	28%	28%	27%	27%
		Dưới	71%	72%	71%	73%	72%	72%	73%	73%
	MA50	Trên	31%	30%	31%	29%	29%	30%	30%	32%
		Dưới	69%	70%	69%	71%	71%	70%	70%	68%
	MA20	Trên	31%	30%	30%	29%	30%	31%	31%	31%
		Dưới	69%	70%	70%	71%	70%	69%	69%	69%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành	Tháng 10										Tháng 9									
	02 ↓	01	30	29	28	25	24	23	22	21	18	17	16	15	14	11	10	09	08	07
1 Bán lẻ	78	77	77	75	72	75	72	71	62	57	61	57	55	55	55	60	66	61	61	61
2 Hàng & Dịch vụ Côn...	63	65	66	66	64	63	60	60	57	50	54	53	52	50	48	50	52	51	52	55
3 Dầu khí	57	62	59	71	61	53	56	73	73	78	76	79	82	80	68	57	58	58	56	52
4 Hóa chất	54	59	59	61	59	61	60	59	56	56	57	59	59	57	52	55	60	62	60	59
5 Điện, nước & xăng d...	52	57	58	57	51	49	52	54	44	43	46	40	36	35	34	33	34	38	34	38
6 Tài nguyên Cơ bản	47	46	46	49	45	46	46	49	49	48	49	49	47	49	48	50	51	54	54	53
7 Thực phẩm và đồ uố...	43	42	39	40	40	41	43	43	43	43	45	44	44	44	44	45	48	49	50	53
8 Ngân hàng	40	43	47	48	48	53	52	55	50	51	50	54	52	49	44	44	50	49	50	51
9 Du lịch và Giải trí	38	39	41	43	43	44	44	46	47	46	45	44	38	35	33	35	35	36	39	35
10 Hàng cá nhân & Gia ...	34	32	32	32	32	34	36	37	34	34	38	35	33	36	34	37	40	46	49	51
11 Xây dựng và Vật liệu	31	33	37	38	34	36	36	35	32	27	31	30	30	30	27	32	36	37	37	40
12 Ô tô và phụ tùng	24	24	26	28	27	30	32	36	31	37	44	42	42	46	45	47	53	54	54	53
13 Bất động sản	23	23	25	25	27	30	29	31	34	32	37	36	34	35	36	37	44	45	47	52
14 Dịch vụ tài chính	22	21	22	24	23	29	29	30	29	28	36	32	27	30	28	30	41	41	44	46
15 Công nghệ Thông tin	18	21	25	28	29	-	41	40	39	-	-	-	42	39	38	37	41	36	35	35

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HDB	28,450	1.6%	2.3%	142,400	1.7	7.3	3,897	439.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MSR	60,300	2.9%	12.7%	67,477	4.7	27.7	2,208	197.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	75,800	1.7%	10.2%	56,268	2.2	17.0	4,472	80.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	37,500	-0.3%	1.9%	49,835	2.1	6.5	5,818	12.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	15,000	9.5%	11.9%	43,869	1.8	110.8	135	59.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAB	12,500	1.2%	0.8%	26,985	1.0	5.6	2,251	33.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGC	43,850	-1.5%	2.6%	19,660	2.3	13.8	3,174	20.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QNS	53,100	2.5%	6.6%	19,299	1.8	10.0	5,267	35.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VBB	14,000	-1.1%	26.1%	16,584	1.3	9.6	1,456	12.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	46,700	1.3%	6.9%	15,457	2.4	12.6	3,740	10.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TLG	54,500	0.6%	2.8%	5,261	2.1	11.4	4,776	11.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
DCL	46,500	0.0%	0.1%	3,396	2.3	-1,505.4	-31	48.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
BFC	54,600	1.3%	12.9%	3,121	2.1	12.0	4,535	17.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TRC	24,150	-0.4%	7.6%	2,898	1.3	10.1	2,396	6.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CLI	25,200	-0.4%	0.8%	2,771	0.0	0.0	0	10.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVP	22,000	1.9%	7.3%	2,281	1.1	7.1	3,120	31.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DRI	16,200	4.5%	7.3%	1,178	1.5	5.3	3,030	31.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VTO	11,250	1.4%	2.7%	898	0.8	5.0	2,262	7.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DXP	14,000	4.5%	6.1%	839	0.8	4.4	3,206	7.5	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Trung tính
HSL	9,990	5.8%	10.0%	385	0.9	125.5	80	27.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
LPB	40,200	-4.3%	-13.5%	120,089	2.8	10.6	3,780	114.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	27,900	-2.1%	-6.8%	92,889	2.0	15.0	1,858	69.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	25,200	-0.8%	-2.9%	23,732	1.0	20.7	1,218	48.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	13,300	-2.9%	-7.3%	20,247	0.9	7.5	1,773	161.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	15,100	-0.3%	-3.8%	16,945	0.9	9.6	1,567	47.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	15,300	-1.9%	-5.6%	15,314	1.3	8.4	1,828	28.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	23,050	-6.9%	-30.2%	11,795	0.9	4.8	4,780	1,772.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	49,600	-0.8%	-5.5%	11,453	3.0	11.4	4,365	5.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCG	13,300	-2.6%	-5.3%	9,286	0.8	2.3	5,869	24.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CII	11,750	-4.1%	-6.7%	7,896	0.8	69.0	170	102.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	18,500	-2.1%	-8.0%	7,047	1.6	16.7	1,105	12.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSI	24,650	-3.7%	-7.3%	6,653	1.2	12.7	1,937	6.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	10,500	-2.8%	-6.3%	6,256	1.0	32.7	321	52.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTS	19,900	-1.5%	-6.1%	5,418	1.9	14.4	1,385	19.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHV	8,830	-1.3%	-3.1%	5,073	0.4	7.6	1,164	21.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NKG	9,200	-2.6%	-5.2%	4,529	0.6	27.2	338	16.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHS	9,100	-0.9%	-5.2%	3,931	0.4	178.2	51	13.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	25,900	-2.6%	-7.5%	3,071	1.0	7.3	3,530	8.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	4,880	-3.7%	-10.6%	2,826	0.4	12.1	402	7.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	10,350	-2.4%	-7.2%	2,378	0.8	3.6	2,909	13.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	7,420	-5.84%	-3.64%	16,000	115.6%	(354)	0.7	-21.0	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KDH	15,100	-0.33%	-3.82%	31,700	109.9%	1,567	0.9	9.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	10,350	-2.36%	-7.17%	21,400	106.8%	2,909	0.8	3.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	49,600	-0.80%	-5.52%	98,000	97.6%	4,365	3.0	11.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	73,200	0.83%	-0.27%	140,000	91.3%	6,662	3.0	11.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
HDG	15,050	-1.31%	-5.05%	28,700	90.7%	2,298	0.9	6.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	25,900	-2.63%	-7.50%	48,900	88.8%	3,530	1.0	7.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	23,050	-6.87%	-30.15%	42,900	86.1%	4,780	0.9	4.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	22,900	-3.58%	-4.58%	40,500	76.9%	1,049	1.5	21.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
PLC	18,400	-1.60%	-1.60%	31,900	73.4%	1,850	1.0	10.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DMX	77,000	-0.13%	0.00%	130,600	69.6%	5,118	3.1	15.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMI	13,650	-0.73%	-2.15%	23,100	69.2%	1,976	0.7	6.9	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
NLG	21,900	0.23%	-2.45%	36,800	68.0%	1,407	0.9	15.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	29,750	-1.00%	-1.33%	48,800	64.0%	5,172	1.2	5.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	19,100	-2.30%	-4.02%	29,600	55.0%	3,239	1.2	5.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	29,900	-4.47%	-4.01%	45,800	53.2%	3,483	1.0	8.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGC	43,850	-1.46%	2.57%	66,800	52.3%	3,174	2.3	13.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	33,700	0.30%	0.90%	51,200	51.9%	5,201	2.1	6.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VRE	23,600	-2.28%	-3.67%	35,600	50.8%	3,191	1.1	7.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	16,800	-2.04%	-5.88%	24,700	47.0%	887	0.9	18.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn